

TIẾN ĐỘ ĐÀO TẠO CHUNG NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ cho đối tượng đầu vào tốt nghiệp đại học

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
Kiến thức bổ sung (Căn cứ vào danh mục các ngành gần và bảng điểm của NCS, Trường ngành quyết định các môn học bổ sung tương ứng)											
I. Kiến thức chung				3(3,0)							
1.	0310100408	Triết học <i>Philosophy</i>	3(3,0)	3			3				
Kiến thức chuyên ngành tự chọn (Chọn tối thiểu 4 học phần)				8(8,0)							
2.	0310101399	Phương pháp NCKH và viết bài báo cáo khoa học <i>Research methodology and scientific paper writing</i>	2(2,0)	2			2				
3.	0310101400	Quy hoạch thực nghiệm & phân tích số liệu <i>Design of Experiment and Data Analysis</i>	3(3,0)	3			3				
4.	0310100579	Cấu trúc và tính chất của thực phẩm trong quá trình chế biến <i>Structure and Physical</i>	2(2,0)	2			2				

		<i>Properties in Food Processing</i>									
5.	0310101401	Kỹ thuật hiện đại trong chế biến thực phẩm <i>Modern techniques in food processing</i>	2(2,0)	2			2				
6.	0310100586	Công nghệ enzyme và protein <i>Protein and Enzyme Technology</i>	2(2,0)	2			2				
7.	0310100587	Thí nghiệm công nghệ enzyme và protein <i>Protein and Enzyme Technology Laboratory</i>	1(0,1)	1			1				
8.	0310100584	Kỹ thuật hiện đại trong phân tích thực phẩm <i>Advanced Analytical Methods in Food Analysis</i>	2(2,0)	2			2				
9.	0310101585	Thí nghiệm kỹ thuật hiện đại trong phân tích thực phẩm	1(0,1)	1			1				

		<i>Advanced Analytical Methods in Food Analysis Laboratory</i>									
10.	0310101882	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao <i>Advanced scientific research methods</i>	2(2,0)	2			2				
11.	0310101858	Các kỹ thuật mới trong chế biến thực phẩm <i>Advanced technologies in food industry</i>	2(2,0)	2			2				
II. Kiến thức chuyên sâu tự chọn (Chọn tối thiểu 10 học phần)			20(20,0)								
12.	0310100588	Thu nhận và ứng dụng các chất có hoạt tính sinh học <i>Bioactive substances: Collection and application</i>	2(2,0)	2			2				
13.	0310100596	Công nghệ vi nang và nano trong thực phẩm <i>Food microencapsulation and</i>	2(2,0)	2			2				

		<i>nanoencapsulation</i>									
14.	0310100600	Kỹ thuật quá trình sinh học <i>Bioprocessing Engineering</i>	2(2,0)	2			2				
15.	0310101406	Chế biến thực phẩm nâng cao <i>Advanced thermal food processing</i>	2(2,0)	2			2				
16.	0310100595	Công nghệ lên men <i>Fermentation Technology</i>	2(2,0)	2			2				
17.	0310100589	Marketing thực phẩm và hành vi người tiêu dùng <i>Food marketing and consumer research</i>	2(2,0)	2			2				
18.	0310101407	Ứng dụng tin học trong công nghệ thực phẩm <i>Informatics Application in Food Technology</i>	2(2,0)	2			2				
19.	0310100592	Quản lý an toàn thực phẩm <i>Food Safety Management</i>	2(2,0)	2			2				
20.	0310101408	Quản lý chuỗi cung ứng và truy	2(2,0)	2			2				

		xuất nguồn gốc thực phẩm <i>Food Supply chain management and traceability</i>									
21.	0310101409	Dinh dưỡng nâng cao <i>Advanced nutrition</i>	2(2,0)	2			2				
22.	0310101410	Bảo quản thực phẩm nâng cao <i>Advanced food preservation</i>	2(2,0)	2			2				
23.	0310100591	Phụ gia thực phẩm nâng cao <i>Advanced food additives</i>	2(2,0)	2			2				
24.	0310101895	Kỹ thuật bảo quản thực phẩm nâng cao <i>Advanced Food Preservation Engineering</i>	2(2,0)	2			2				
25.	0310101860	Các tính chất kỹ thuật của thực phẩm <i>Engineering Properties of Food</i>	2(2,0)	2			2				
26.	0310101861	Hóa học các hợp chất tự nhiên <i>Chemistry of Natural Products</i>	2(2,0)	2			2				
27.	0310101862	Kỹ thuật tiên tiến trong Phân tích thực phẩm	2(2,0)	2			2				

		<i>Advanced Analytical Techniques in Food Analysis</i>									
28.	0310101863	Enzyme học thực phẩm <i>Food Enzymology</i>	2(2,0)	2			2				
29.	0310101864	Probiotics chức năng và ứng dụng <i>Functional Probiotics and Applications</i>	2(2,0)	2			2				
30.	0310101865	Các quá trình truyền vận nâng cao <i>Advanced Transport Phenomena</i>	2(2,0)	2			2				
31.	0310101866	Những kỹ thuật hiện đại để truy xuất và xác thực thực phẩm <i>Modern technology for food traceability and authentication</i>	2(2,0)	2			2				
32.	0310101867	Quản lý chuỗi cung ứng thực phẩm nâng cao <i>Advanced Food Supply Chain Management</i>	2(2,0)	2			2				
33.	0310101868	Kỹ thuật membrane <i>Membrane technology</i>	2(2,0)	2			2				

III. Chuyên đề nghiên cứu khoa học			18(0,18)								
34.	0310101869	Chuyên đề 1 <i>Special Topics 1</i>	6(0,6)				6				
35.	0310101870	Chuyên đề 2 <i>Special Topics 2</i>	6(0,6)					6			
36.	0310101871	Chuyên đề 3 <i>Special Topics 3</i>	6(0,6)						6		
IV. Luận án tiến sĩ			60(0,60)								
37.	0310101872	Luận án tiến sĩ <i>PhD Thesis</i>	60(0,60)							60	60
Tổng số tín chỉ toàn khóa			90 (12,78)								